

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá: Gồm 03 xe ô tô cụ thể:

- Xe ô tô biển kiểm soát: 14A-002.99, loại xe: Toyota Hiace, số ghế: 16, màu sơn: Xanh, giá khởi điểm: 90.000.000 đồng;

- Xe ô tô biển kiểm soát: 14A- 001.23, loại xe: FORD EVERREST, số ghế: 07, màu sơn: Đen, giá khởi điểm: 160.000.000 đồng;

- Xe ô tô biển kiểm soát: 14D-8868, loại xe: COROLLAZZE142L-GEPGKH, số ghế: 05, màu sơn: Đen, giá khởi điểm: 180.000.000 đồng.

2. Giá khởi điểm: Tổng giá khởi điểm 03 xe ô tô: 430.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu đồng chẵn*).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá được lựa chọn:

- Tên tổ chức: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Quảng Ninh.Địa chỉ: Tầng 5, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 02033.508.336.

- Tổng số điểm: 92 điểm

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Công ty Đấu giá Hợp danh Quảng Ninh	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Quảng Ninh
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1.1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0	19,0

1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0	10,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống Camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (Có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá).	2,0	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở tư pháp	2,0	2,0	2,0
4	Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án này)	16,0	16,0	16,0
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	2,0
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0	2,0

3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	50,0	55,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	15	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0		
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	7,0	7,0	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0		
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0		
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (Bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0		
3.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0	1,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất			3,0

4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề		1,0	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo			
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0	6,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0		7,0
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.	4,0	3,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Có từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0	3,0
6.3	từ 05 đấu giá viên	4,0		
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, tổng giám đốc hoặc giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, giám đốc doanh nghiệp tư nhân	4,0	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0		
7.2	từ 05 năm đến 10 năm	3,0		
7.3	từ 10 năm trở lên	4,0	4,0	4,0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	4,0	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0		
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 trở lên	4,0	4,0	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0		
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	3,0	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	3,0	

9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0		5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.	8,0	5,0	2,0
1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó từ năm 2021 đến nay.	3,0	0	0
2	Trụ sở của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	2,0	2,0	2,0
3	Tổ chức hành nghề đấu giá đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với các đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có giá khởi điểm cao nhất / 01 hợp đồng đấu giá, bao gồm cả hợp đồng thành và không thành tính từ 01/01/2021 đến nay (Chỉ chấm điểm cho tổ chức đấu giá có hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với giá khởi điểm cao nhất)	3,0	3,0	0
Tổng số điểm		100	90	92

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT quốc gia về ĐGTS;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.



VIỆN TRƯỞNG

Phạm Viết Vượng